

Bản án số: 40/2024/DS-ST.

Ngày 25 - 6 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST - DS, ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Trần Đại H**; Sinh năm: 1973. Địa chỉ đăng ký TT: 0LK 23 – 25, đường D, Khu đô thị E, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ tạm trú: **Số C, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** – Là chủ hộ kinh doanh Trường Hải tại địa chỉ: **ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Đại H: Bà **Đỗ Thị Mai C**; Sinh năm 1997. Địa chỉ: **Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2023- Có mặt).

* *Đồng bị đơn:*

1. **Trịnh Ngọc L**; Sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

2. **Nguyễn Thị Ngọc Y**; Sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà **Đỗ Thị Mai C** trình bày:

Vào năm 2017, ông **Trần Đại H** với vợ chồng ông **Trịnh Ngọc L**, bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** có thỏa thuận với nhau việc mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản, hợp đồng được thể hiện bằng lời nói không được lập thành văn bản, các bên giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng ghi tên “Anh **L**”.

Theo thỏa thuận, từ ngày 17/4/2017 ông **H** bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản cho ông **L** và bà **Y**, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông **L** và bà **Y** và người nhà của ông **L** và bà **Y** đến lấy hàng tại kho của ông **H**, ông **L** và bà **Y** tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận nợ khi ông **H** yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông **L** và bà **Y** phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho ông **H**, trong trường hợp ông **L** và bà **Y** không thanh toán tiền hàng thì ông **H** có quyền cắt hàng không bán cho ông **L** và bà **Y** nữa và đề nghị ông **L** và bà **Y** thanh toán hết số tiền hàng còn nợ. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **H** cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu của ông **L** và bà **Y**, khi nhận hàng ông **L** và bà **Y** không hề phàn nàn hay có khiếu nại về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa. Ông **H** đã thực hiện đúng theo hợp đồng được thỏa thuận nhưng đến cuối vụ thu hoạch tôm ông **L** và bà **Y** không thanh toán hết tiền hàng cho ông **H**.

Đến ngày 17/10/2022, tổng cộng nợ ông **L** và bà **Y** còn nợ ông **H** là 74.680.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*), tuy nhiên ông **L** và bà **Y** chỉ ký sổ, ký đối chiếu công nợ cho ông **H** và hứa hẹn chứ chưa trả thêm lần nào nữa. Ông **H** nhiều lần cử nhân viên đến yêu cầu ông **L** và bà **Y** trả tiền hàng còn nợ nhưng đến nay ông **L** và bà **Y** vẫn không thanh toán. Xét thấy hành vi của ông **L** và bà **Y** đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **H**.

Theo đơn khởi kiện ông **Trần Đại H** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải liên đới trả cho ông **H** tổng số tiền là 80.903.000 đồng (*Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc là 74.680.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*), tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 18/9/2023 (10 tháng) là 6.223.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*) tương ứng với lãi suất 10%/năm. Thanh toán cho ông **H** một lần ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2023 đến khi trả hết nợ cho ông **H**.

Nay ông **Trần Đại H** xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông **H** số tiền gốc là 74.680.000 đồng (*Bảy mươi bốn*

triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả đủ 01 lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* Đồng bị đơn là ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông **L** và bà **Y** không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **L** và bà **Y**.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với đồng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Theo hồ sơ thể hiện giữa ông **L**, bà **Y** và ông **H** có hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản với nhau. Quá trình mua bán có làm sổ giao nhận hàng, quá trình mua bán diễn ra nhiều lần đến ngày 17/10/2022 hai bên có gặp nhau xác nhận công nợ, cụ thể là Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 17/10/2022, trong đó có nội dung là ông **L** và bà **Y** còn nợ **hộ kinh doanh T1** (do ông **Trần Đại H** làm đại diện) số tiền là 74.680.000 đồng, vợ ông **L** là bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** ký tên vào mục khách hàng. Đối với đồng bị đơn là ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sau khi nhận văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của ông **H** thì ông **L** và bà **Y** không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông **H**. Do đó, xem như ông **L** và bà **Y** đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **H**. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 427, Điều 430 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông **H** số tiền gốc là 74.680.000 đồng. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** là đồng bị đơn trong vụ án, ông **L** và bà **Y** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **L** và bà **Y**.

[1.2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn **Trần Đại H** thì nguyên đơn có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản cho ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** nhiều lần và hiện nay ông **L** và bà **Y** còn nợ ông **H** tổng số tiền gốc là 74.680.000 đồng. Do ông **L** và bà **Y** vi phạm hợp đồng, nên ông **H** yêu cầu ông **L** và bà **Y** phải hoàn trả tổng số tiền là 74.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Theo đơn khởi kiện thì ông **H** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải liên đới trả cho ông **H** tổng số tiền là 80.903.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 74.680.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 18/9/2023 (10 tháng) là 6.223.000 đồng tương ứng với lãi suất 10%/năm. Thanh toán cho ông **H** một lần ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2023 đến khi trả hết nợ cho ông **H**. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông **H** số tiền gốc là 74.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả đủ 01 lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền gốc là 74.680.000 đồng, trả đủ 01 lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho việc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** có hợp đồng mua thức ăn của ông **H**, ông **H** đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ sau: 01 (một) Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 28/01/2019; 01 (một) Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 24/11/2021; 01 (một) Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 10/02/2022; 01 (một) Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 17/02/2022; 01 (một) Sổ giao nhận hàng và các giấy tờ khác có liên quan.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà **Đỗ Thị Mai C** trình bày: Giữa nguyên đơn **Trần Đại H** và đồng bị đơn là ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản với nhau từ năm 2017, quá trình mua bán có làm sổ giao nhận hàng, quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến khi công nợ

lên đến số tiền là 74.680.000 đồng thì ông L và bà Y chỉ ký sổ, ký đối chiếu công nợ cho ông H và hứa hẹn chứ chưa trả thêm lần nào nữa. Đối với đồng bị đơn là ông Trịnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Đại H, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông L, bà Y, nhưng ông L, bà Y không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H. Do đó, Hội đồng xét xử xem như ông L, bà Y đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện ông H không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Vì vậy, cần xử buộc ông Trịnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền gốc 74.680.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Trịnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.734.000 đồng. Ông Trần Đại H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.022.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002431 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 427 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H.

Buộc ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông **Trần Đại H** tổng số tiền gốc 74.680.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông **H** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 74.680.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) thì hàng tháng ông **L** và bà **Y** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.734.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*). Ông **Trần Đại H** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông **Trần Đại H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.022.000 đồng (*Hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002431 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông **Trần Đại H** có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với ông **Trịnh Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên